

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

VŨ VĂN HUÂN

**ĐẶC ĐIỂM CỦA PHÁP LUẬT  
TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VÀ ĐỊNH HƯỚNG  
PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

*Chuyên ngành: Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật*  
*Mã số: 60 38 01 01*

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Cán bộ hướng dẫn khoa học: GS. TSKH. ĐÀO TRÍ ÚC**

***Phản biện 1:*** .....

***Phản biện 2:*** .....

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

*Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2014*

**Có thể tìm hiểu luận văn tại**

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội  
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

# MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

*Trang*

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt

**MỞ ĐẦU**..... 1

## **Chương 1: NHẬN THỨC LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC**

**PHÁP QUYỀN**..... 7

**1.1. Lịch sử học thuyết Nhà nước pháp quyền**..... 7

1.1.1. Tư tưởng nhà nước pháp quyền thời cổ đại..... 7

1.1.2. Học thuyết tư sản về nhà nước pháp quyền..... 8

1.1.3. Tư tưởng về nhà nước pháp quyền trong học thuyết  
Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ..... 10

**1.2. Khái niệm và những đặc điểm cơ bản của nhà nước  
pháp quyền**..... 12

1.2.1. Khái niệm nhà nước pháp quyền..... 12

1.2.2. Những đặc điểm cơ bản của nhà nước pháp quyền..... 12

**1.3. Những quan điểm cơ bản về xây dựng nhà nước  
pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa** ..... 13

**Chương 2: ĐẶC ĐIỂM CỦA PHÁP LUẬT TRONG  
NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VIỆT NAM**..... 19

**2.1. Tiêu chí đánh giá chất lượng của một văn bản  
pháp luật** ..... 19

**2.2. Tiêu chí đánh giá chất lượng của hệ thống pháp luật**..... 19

2.2.1.	Các tiêu chí đánh giá về nội dung của hệ thống pháp luật .....	19
2.2.2.	Các tiêu chí đánh giá về hình thức thể hiện của hệ thống pháp luật .....	28
<b>Chương 3: THỰC TRẠNG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY .....</b>		
<b>3.1. Quan niệm về hệ thống pháp luật .....</b>		
<b>3.2. Thực trạng hệ thống pháp luật Việt Nam.....</b>		
3.2.1.	Đánh giá khái quát hệ thống pháp luật Việt Nam trước khi có Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 .....	32
3.2.2.	Thực trạng hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay .....	38
<b>3.3. Đánh giá nguyên nhân của thực trạng hệ thống pháp luật .....</b>		
<b>Chương 4: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.....</b>		
<b>4.1. Phát triển lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật phù hợp với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa .....</b>		
<b>4.2. Xây dựng hệ thống pháp luật với đa dạng các nguồn luật.....</b>		
<b>4.3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả xây dựng pháp luật .....</b>		

4.3.1.	Đổi mới việc lập và thông qua chương trình xây dựng luật, pháp lệnh .....	77
4.3.2.	Hoàn thiện pháp luật về đổi mới quy trình, nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật.....	79
4.3.3.	Tăng cường các điều kiện bảo đảm xây dựng pháp luật.....	80
<b>4.4.</b>	<b>Nâng cao chất lượng công tác tổ chức thi hành pháp luật .....</b>	<b>81</b>
4.4.1.	Tăng cường công tác theo dõi thi hành pháp luật.....	81
4.4.2.	Phát triển hệ thống thông tin và phổ biến, giáo dục pháp luật, tăng cường năng lực tiếp cận của nhân dân đối với hệ thống pháp luật .....	82
4.4.3.	Phát triển hệ thống đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác pháp luật.....	83
<b>4.5.</b>	<b>Thiết lập cơ chế và thiết chế tài phán đối với các vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp.....</b>	<b>84</b>
<b>4.6.</b>	<b>Hoàn thiện quy định và thực hiện pháp luật về dân chủ .....</b>	<b>85</b>
<b>4.7.</b>	<b>Hoàn thiện quy định và bảo đảm thực thi pháp luật về quyền con người, nhân đạo hóa vì con người.....</b>	<b>86</b>
	<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>89</b>
	<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>90</b>

## MỞ ĐẦU

### **1. Tính cấp thiết của đề tài**

#### ***Cơ sở lý luận của việc nghiên cứu đề tài***

Ngày từ khi ra đời Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (nay là Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam) đã là Nhà nước mang bản chất của nhà nước kiểu mới, là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, tính pháp quyền đã thể hiện trong nhiều văn kiện của Đảng, trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, nhưng đến những năm đầu của thập kỷ 90 chúng ta mới chính thức sử dụng khái niệm Nhà nước pháp quyền. Mặc dù vậy cho đến nay, hệ thống lý luận nghiên cứu về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa còn chưa được xây dựng một cách đồng bộ, đầy đủ, toàn diện và khoa học.

Cùng với quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền, hệ thống pháp luật Việt Nam trong gần ba thập kỷ qua kể từ khi Đảng ta tiến hành công cuộc đổi mới đã có sự phát triển mạnh mẽ và đạt được nhiều thành tựu to lớn nhưng cũng còn có nhiều hạn chế. Nguyên nhân là hệ thống pháp luật của chúng ta được xây dựng trên nền tảng của một hệ thống chính trị - pháp lý đặc thù của thời kỳ chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường nên nhiều khía cạnh pháp luật của Việt Nam cần được tiếp tục nghiên cứu và phát triển.

#### ***Cơ sở thực tiễn***

Trong những năm qua chúng ta đã có nhiều cố gắng xây dựng

và phát triển hệ thống pháp luật, song do nhiều nguyên nhân khác nhau mà hệ thống pháp luật của chúng ta vẫn toàn diện, thống nhất, chưa đáp ứng được yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền nên đặt ra yêu cầu phải xây dựng, phát triển và hoàn thiện hệ thống pháp luật là một tất yếu khách quan.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Khái niệm nhà nước pháp quyền, hệ thống pháp luật, đặc điểm của hệ thống pháp luật... là những vấn đề đã được nhiều nhà khoa học luật đề cập với các cách tiếp cận khác nhau của nhiều chuyên ngành chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật. Tuy nhiên các công trình này đều có điểm chung là nghiên cứu hệ thống pháp luật ở các quy phạm, các văn bản luật, các tư tưởng và học thuyết pháp lý; mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa xây dựng thể chế và tổ chức thi hành pháp luật... mà chưa đề cập toàn diện và đầy đủ đến đặc điểm của hệ thống pháp luật trong nhà nước pháp quyền.

## **3. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài**

### **3.1. Mục đích của đề tài**

Đề xuất giải pháp, phương hướng cơ bản để góp phần phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam.

### **3.2. Nhiệm vụ của đề tài**

- Nghiên cứu lý luận về nhà nước pháp quyền, đặc điểm của hệ thống pháp luật trong nhà nước pháp quyền.
- Đánh giá thực trạng, nêu nguyên nhân của những tồn tại của hệ thống pháp luật Việt Nam.
- Xác định phương hướng xây dựng pháp luật trong những năm tới.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Xác định rõ đặc điểm của hệ thống pháp luật trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Đánh giá thực trạng của hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay và đề xuất một số giải pháp, phương hướng cơ bản nhằm phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam.

#### **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận là tư tưởng về nhà nước pháp quyền và pháp luật trong nhà nước pháp quyền. Đồng thời dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng ta về xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân.

Cơ sở thực tiễn của đề tài là các báo cáo tổng kết, đánh giá về chất lượng, hiệu quả của hệ thống pháp luật, thực tiễn công tác xây dựng và thi hành pháp luật ở nước ta trong những năm qua.

Phương pháp nghiên cứu: chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Trong quá trình thực hiện đề tài, tác giả sẽ sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp lịch sử cụ thể, phương pháp logic, phương pháp hệ thống, thống kê; phương pháp phân tích, tổng hợp; phương pháp so sánh và điều tra xã hội.

#### **6. Ý nghĩa của đề tài**

Kết quả nghiên cứu sẽ có ý nghĩa lý luận và thực tiễn, làm sâu sắc thêm về đặc điểm của pháp luật trong nhà nước pháp quyền. Từ đó góp phần xây dựng và phát triển hệ thống pháp luật phù hợp với tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



Đề tài có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho cán bộ làm công tác nghiên cứu, giảng dạy về pháp luật, cán bộ công tác tại các cơ quan xây dựng, bảo vệ pháp luật và học viên, sinh viên ngành luật. v.v...

## **7. Cấu trúc của luận văn**

Luận văn bao gồm: Phần mở đầu và 4 chương, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo.

### *Chương 1*

## **NHẬN THỨC LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN**

### **1.1. Lịch sử học thuyết Nhà nước pháp quyền**

#### ***1.1.1. Tư tưởng nhà nước pháp quyền thời cổ đại***

- Ở phương Đông: Tư tưởng chính trị pháp lý tiêu biểu (của Khổng Tử, Hàn Phi Tử) đã đề cập đến những khía cạnh của nhà nước pháp quyền.

- Ở phương Tây: Tư tưởng chính trị pháp lý sâu sắc hơn vì dựa trên tư duy triết học. Tư tưởng tiêu biểu: Solon (638-559 Tr.CN), Heraclit (520-460 Tr. CN), Xocrat (469-399 Tr.CN), Platon (427-374 Tr. CN), Aristote (384-322 Tr. CN).

#### ***1.1.2. Học thuyết tư sản về nhà nước pháp quyền***

Các nhà tư tưởng tư sản đã tiếp thu và phát triển tư tưởng về nhà nước pháp quyền từ thời cổ đại, thể hiện thế giới quan pháp lý mới, thể hiện thái độ chống chế độ chuyên quyền phong kiến, tình trạng vô pháp luật, pháp luật tàn bạo, đấu tranh vì một chế độ nhà

nước hoạt động trên cơ sở pháp luật và phục tùng pháp luật. Đồng thời nó khẳng định mạnh mẽ tính nhân đạo, nguyên tắc tự do, bình đẳng của cá nhân, bình đẳng trong quan hệ giữa nhà nước và cá nhân, thừa nhận những quyền của con người không thể bị tước đoạt, đề cao chủ quyền nhân dân và nguyên tắc phân chia quyền lực trong tổ chức và hoạt động của nhà nước.

Tư tưởng tiêu biểu: John Locke, Montesquieu, Rousseau, Kant, Thomas Jefferson, Thomas Paine, John Adams,...

### ***1.1.3. Tư tưởng về nhà nước pháp quyền trong học thuyết Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh***

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đã đưa ra lý luận về pháp chế XHCN, về dân chủ, tự do, công bằng..., thể hiện được những tư tưởng cốt lõi về nhà nước pháp quyền.

Ở Việt Nam, tư tưởng về nhà nước pháp quyền được thể hiện lần đầu tiên bởi Hồ Chí Minh. Người chủ trương xây dựng một nhà nước kiểu mới, Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Ngoài ra, trong tư tưởng về xây dựng nhà nước kiểu mới, Hồ Chí Minh còn chỉ rõ: Bản chất dân chủ triệt để của nhà nước, sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước, kết hợp cả đạo đức và pháp luật trong quản lý xã hội.

## **1.2. Khái niệm và những đặc điểm cơ bản của nhà nước pháp quyền**

### ***1.2.1. Khái niệm nhà nước pháp quyền***

- Hiện nay chưa có một định nghĩa chính xác và thống nhất về nhà nước pháp quyền.

- Nhà nước pháp quyền không phải là một kiểu nhà nước mà đó là những giá trị phổ biến, là biểu hiện của một trình độ phát triển dân chủ, một cách thức tổ chức nhà nước và xã hội trên nền tảng dân chủ.

### ***1.2.2. Những đặc điểm cơ bản của nhà nước pháp quyền***

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, có thể nêu những đặc điểm cơ bản về nhà nước pháp quyền như sau:

- Là nhà nước có hệ thống pháp luật hoàn thiện, đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất để thực hiện có hiệu quả việc quản lý xã hội.

- Mọi quan hệ giữa nhà nước và công dân là bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.

- Quyền con người, quyền công dân được tôn trọng và bảo đảm thực hiện.

- Việc tổ chức quyền lực nhà nước trong nhà nước pháp quyền phải đảm bảo nguyên tắc loại bỏ và ngăn ngừa việc độc quyền quyền lực.

- Nhà nước được phân định với xã hội dân sự và quan hệ chặt chẽ với xã hội dân sự.

- Là nhà nước có trách nhiệm với cộng đồng thế giới.

### ***1.3. Những quan điểm cơ bản về xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN***

- *Nhà nước pháp quyền Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.*

- *Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc*

*thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và có sự kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước.*

*- Nhà nước pháp quyền Việt Nam tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm vị trí tối thượng của Hiến pháp, pháp luật trong đời sống xã hội đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức.*

*- Nhà nước pháp quyền Việt Nam tôn trọng và bảo vệ quyền con người, các quyền và tự do của công dân, nâng cao trách nhiệm giữa Nhà nước và công dân, giữa Nhà nước và xã hội.*

*- Nhà nước pháp quyền Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.*

## **Chương 2**

### **ĐẶC ĐIỂM CỦA PHÁP LUẬT TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VIỆT NAM**

#### **2.1. Tiêu chí đánh giá chất lượng của một văn bản pháp luật**

Một số tiêu chí cơ bản sau đã được nhiều nhà nghiên cứu luật học thống nhất đó là:

- Các tiêu chí về nội dung: tính hợp hiến, hợp pháp; tính phù hợp, tính hợp lý; tính công bằng, bình đẳng; tính khả thi.

- Các tiêu chí về hình thức, kĩ thuật lập pháp: phù hợp về hình thức, thẩm quyền ban hành; diễn đạt chuẩn xác; cụ thể, dễ hiểu, dễ áp dụng.

## **2.2. Tiêu chí đánh giá chất lượng của hệ thống pháp luật**

Đánh giá chất lượng và mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật cũng dựa trên 2 nhóm tiêu chí, đó là về nội dung và hình thức thể hiện.

### **2.2.1. Các tiêu chí đánh giá về nội dung của hệ thống pháp luật**

- Tính toàn diện, đồng bộ và thống nhất của hệ thống pháp luật
- Tính ổn định của pháp luật
- Tính khả thi của hệ thống pháp luật
- Yêu cầu bảo đảm quyền con người, sự tiến bộ của xã hội, bảo vệ công lý và lẽ phải

### **2.2.2. Các tiêu chí đánh giá về hình thức thể hiện của hệ thống pháp luật**

- Tính công khai, minh bạch
- Trình độ kỹ thuật pháp lý khi xây dựng các văn bản QPPL

## **Chương 3**

# **THỰC TRẠNG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY**

### **3.1. Quan niệm về hệ thống pháp luật**

Theo quan niệm truyền thống thì “*hệ thống pháp luật là tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất với nhau, được phân định thành các chế định pháp luật, các ngành luật và được thể hiện trong các văn bản do nhà nước ban hành theo những trình tự, thủ tục và hình thức nhất định*” [9]. Quan điểm khác

lại cho rằng hệ thống pháp luật còn bao gồm các học thuyết, các nguyên tắc pháp lý và các nguồn luật bất thành văn khác...

Trong nội dung đề tài, tác giả đề cập đến khía cạnh chất lượng (đặc điểm) của hệ thống pháp luật.

## **3.2. Thực trạng hệ thống pháp luật Việt Nam**

### ***3.2.1. Đánh giá khái quát hệ thống pháp luật Việt Nam trước khi có Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020***

Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, Nhà nước ta đã từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật: Xây dựng được một số luật tạo hành lang pháp lý cho phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; Trong lĩnh vực hành chính, Nhà nước đã có những đổi mới tích cực về pháp luật. Chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước, nhiệm vụ, quyền hạn của công chức, nội dung và trách nhiệm công vụ từng bước được phân định rành mạch, rõ ràng hơn; thủ tục hành chính bước đầu cải cách; Pháp luật về lao động, việc làm, an sinh xã hội và các lĩnh vực xã hội khác đã được quan tâm xây dựng; Pháp luật trong lĩnh vực an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội được tăng cường; Chủ trương dân chủ hoá mọi mặt đời sống xã hội đã được thể chế hoá một bước quan trọng; Công tác soạn thảo, thẩm định và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật dần dần đi vào nền nếp, theo một quy trình thống nhất do luật định; Hoạt động kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật được triển khai. Hoạt động pháp điển hoá bước đầu được chú trọng;

Hoạt động thông tin, phổ biến và giáo dục pháp luật có sự chuyển biến tích cực...

### **3.2.2. Thực trạng hệ thống pháp luật Việt Nam**

**Về nội dung văn bản:** Các luật, pháp lệnh do Chính phủ chủ trì soạn thảo và được Quốc hội ban hành đã bước đầu đáp ứng các tiêu chí của hệ thống pháp luật về tính đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai và minh bạch.

**Hình thức văn bản:** Chủ trương Quốc hội ban hành luật, giảm dần việc Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh đã được quán triệt và thực hiện nghiêm túc theo yêu cầu của Nghị quyết số 48-NQ/TW. Việc đơn giản hoá các hình thức văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành luật theo chủ trương trong Nghị quyết 48-NQ/TW cũng đã được thể chế hoá trong Luật ban hành văn bản QPPL năm 2008.

**Về kỹ thuật lập pháp:** Các giải pháp mà Nghị quyết 48-NQ/TW về đổi mới quy trình xây dựng pháp luật được thể chế hoá trong Luật Ban hành văn bản QPPL 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo ra sự đổi mới khá cơ bản theo hướng hiện đại hoá phương thức và phương tiện xây dựng pháp luật.

**Về yêu cầu bảo đảm quyền con người, quyền tự do dân chủ của nhân dân, sự tiến bộ của xã hội:**

**Bảo đảm quyền con người về dân sự và chính trị:**

- Bảo đảm các quyền bầu cử, ứng cử và tham gia quản lý Nhà nước và xã hội

- Bảo đảm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và thông tin

- *Bảo đảm quyền tự do hội họp và lập hội*
- *Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo*
- *Bảo đảm quyền bình đẳng của các dân tộc*
- *Bảo đảm quyền sống, được tôn trọng về nhân phẩm và bất khả xâm phạm về thân thể*
- *Bảo đảm quyền tự do đi lại và cư trú.*

***Bảo đảm thực hiện các quyền con người về kinh tế, xã hội:***

Nhà nước đã thực hiện thắng lợi nhiều chương trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm ngày càng tốt hơn các quyền con người về kinh tế, văn hoá, xã hội.

Đánh giá chung: Nhìn chung, sau 5 năm thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW, hệ thống pháp luật đã được tiếp tục hoàn thiện cả về nội dung, hình thức, số lượng và chất lượng văn bản QPPL. Việc ban hành và thực hiện các văn bản QPPL đã tác động tích cực đến sự phát triển mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, đối phó linh hoạt với các thách thức do khủng hoảng và suy thoái kinh tế đặt ra, phục vụ kịp thời yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế.

***3.2.2.2. Những hạn chế, bất cập***

- *Tính toàn diện, thống nhất của hệ thống pháp luật chưa cao*
- *Tính đồng bộ, cân đối của hệ thống pháp luật tuy có cải thiện nhưng vẫn còn sự chênh lệch lớn trong các lĩnh vực khác nhau.*
- *Tính ổn định của hệ thống pháp luật còn thấp.*
- *Tính khả thi của hệ thống pháp luật còn nhiều bất cập.*



- Công tác xây dựng chính sách, pháp luật của không ít địa phương còn thiếu tính chiến lược, thiếu tầm nhìn dài hạn.

- Tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật còn nhiều hạn chế.

- Về yêu cầu bảo đảm quyền con người, quyền công dân:

+ Một số quyền cơ bản của công dân được Hiến pháp quy định nhưng chưa có luật cụ thể hoá để công dân thực hiện.

+ Pháp luật về dân chủ cơ sở có hiệu lực đã lâu nhưng việc tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể nhân dân vẫn còn hạn chế.

+ Pháp luật về quyền lập hội và quản lý nhà nước trong lĩnh vực hội chưa đầy đủ.

+ Các quy định ràng buộc trách nhiệm, minh bạch thông tin của các cơ quan công quyền trong việc công khai thông tin đã dẫn đến tình trạng lợi dụng đặc quyền, đặc lợi của những người có điều kiện, vị trí công tác để dangle tiếp cận thông tin để trục lợi, gây nên sự bất bình đẳng, công bằng trong xã hội, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh doanh.

+ Pháp luật về khiếu nại, tố cáo vẫn còn nhiều bất cập, gây rất nhiều khó khăn cho cả các cơ quan nhà nước và người dân trong quá trình thực hiện, đặc biệt là những bất cập liên quan đến thẩm quyền, thủ tục giải quyết tố cáo, quyền, nghĩa vụ của người tố cáo, người giải quyết tố cáo và biện pháp bảo vệ người tố cáo.

+ Nhận thức của cán bộ, công chức về quyền con người ở nước ta hiện nay còn nhiều hạn chế.

+ Sự tham gia của các cơ quan thông tin đại chúng trong

hoạt động tuyên truyền và đấu tranh chống vi phạm quyền con người còn hạn chế.

+ Cơ chế bảo đảm quyền con người chưa hiệu quả.

+ Do những khó khăn về kinh tế, ở nước ta hiện nay còn thiếu các điều kiện để bảo đảm quyền con người.

### **3.3. Đánh giá nguyên nhân của thực trạng hệ thống pháp luật**

#### **Nguyên nhân chủ quan:**

*Thứ nhất*, nhiều vấn đề lý luận mới về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và về Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam chưa được nghiên cứu một cách cơ bản và có hệ thống, chưa xác định rõ vai trò của Nhà nước trên một số mặt trong nền kinh tế thị trường.

*Thứ hai*, ý thức pháp luật của một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức và nhân dân còn nhiều hạn chế.

*Thứ ba*, còn thiếu những giải pháp đồng bộ, hiệu quả nhằm đổi mới tổ chức, nâng cao năng lực của các cơ quan, công chức xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật.

#### **Nguyên nhân khách quan**

Chúng ta phát triển nền kinh tế thị trường theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và định hướng XHCN xuất phát từ nền sản xuất nông nghiệp nhỏ, kém phát triển, lại chịu ảnh hưởng nặng nề của các cuộc chiến tranh kéo dài, đồng thời duy trì quá lâu cơ chế quản lý tập trung, bao cấp đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

## *Chương 4*

# **PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA NNPQ XHCN**

Để phát triển hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, chúng ta cần quán triệt một số định hướng cơ bản sau đây:

### **4.1. Phát triển lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật phù hợp với yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN**

Nghị quyết số 48-NQ/TW đã có những thay đổi lớn về cách tiếp cận hệ thống pháp luật. Theo đó, hệ thống pháp luật được tiếp cận trong trạng thái động. Trong đó, hoạt động xây dựng thể chế và hoạt động tổ chức thi hành pháp luật được đặt trong mối quan hệ gắn bó hữu cơ trong một chỉnh thể thống nhất.

Quan niệm về hệ thống pháp luật cần được tiếp tục phát triển phù hợp với mục tiêu quản lý của nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền. Hệ thống pháp luật phải gắn với chế độ pháp quyền, đảm bảo công lý cho bất kỳ ai, hệ thống pháp luật có thể được hiểu không chỉ là hệ thống các quy phạm pháp luật, các nguyên tắc pháp lý mà còn được hiểu là hệ thống các thiết chế sản sinh ra pháp luật và hệ thống vận hành, thực thi pháp luật, nhìn nhận hệ thống pháp luật trong mối quan hệ với các thiết chế bảo đảm thực thi, với việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực thực thi pháp luật, cơ chế thông tin pháp lý... Theo cách tiếp cận này, vai trò của các thiết chế

thực thi pháp luật, nhất là tầm quan trọng của tòa án trong việc thực thi và áp dụng pháp luật được đặc biệt nhấn mạnh.

#### **4.2. Xây dựng hệ thống pháp luật với đa dạng các nguồn luật**

Theo quan điểm về pháp chế XHCN chia hệ thống pháp luật thành các ngành luật, đôi khi tương ứng với các ngành quản lý của bộ máy nhà nước. Sau một phần tư thế kỷ đổi mới, tuy có nhiều cách tân, song cách hiểu của người Việt Nam về hệ thống pháp luật về cơ bản vẫn tập trung vào hệ thống các quy phạm được ghi nhận trong các văn bản QPPL.

Luật thành văn được ghi trong văn bản QPPL chỉ là một phần nổi của những gì được gọi là luật cai trị trật tự con người. Vì thế góp phần vào hệ thống pháp luật, ngoài văn bản QPPL còn có học lý của giới nghiên cứu luật học, lễ công bằng mà người thẩm phán cảm nhận được... Do vậy, ngoài xây dựng hệ thống văn bản QPPL trên giấy, sự đa dạng các nguồn luật trở nên quan trọng.

#### **4.3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả xây dựng pháp luật [17]**

##### ***4.3.1. Đổi mới việc lập và thông qua chương trình xây dựng luật, pháp lệnh***

- Đổi mới tư duy lập và thông qua chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.

- Việc lập dự kiến chương trình xây dựng văn bản QPPL phải bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của hệ thống pháp luật nhằm phục vụ công cuộc đổi mới trên tất cả các lĩnh vực.

- Chương trình lập pháp toàn khoá chỉ nên coi là chương trình có tính chất định hướng và có khả năng thay đổi hàng năm để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

- Bảo đảm tính đồng bộ giữa việc lập dự kiến xây dựng luật, pháp lệnh và lập dự kiến xây dựng nghị quyết, nghị định, văn bản hướng dẫn thi hành luật.

- Cần coi chương trình xây dựng luật, pháp lệnh cũng như một dự án luật để đầu tư kinh phí thoả đáng.

- Tăng cường kỷ luật trong việc xây dựng và thực hiện chương trình theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2008.

#### ***4.3.2. Hoàn thiện pháp luật về đổi mới quy trình, nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật***

- Sớm hợp nhất 02 luật ban hành văn bản quy phạm hiện hành (của trung ương và địa phương) nhằm tạo ra những chuẩn mực chung trong quy trình xây dựng văn bản, bảo đảm tính hiệu quả trong công tác xây dựng pháp luật và sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật quốc gia.

- Ban hành Pháp lệnh về hợp nhất văn bản QPPL và Pháp lệnh về pháp điển quy phạm pháp luật; tổ chức triển khai thường xuyên việc hợp nhất và pháp điển hoá các văn bản QPPL mới vào các Bộ pháp điển theo lĩnh vực, đảm bảo tính thống nhất, minh bạch, dễ tiếp cận, dễ sử dụng của hệ thống pháp luật.

- Nghiên cứu việc giao cho Toà án nhân dân tối cao quyền hạn và trách nhiệm giải thích pháp luật, phát triển án lệ và tăng cường việc hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật.

#### ***4.3.3. Tăng cường các điều kiện bảo đảm xây dựng pháp luật***

- Cần đổi mới cơ chế phân bổ kinh phí cho xây dựng pháp luật. Kinh phí xây dựng pháp luật phải đủ để đáp ứng một cách thực

chất các yêu cầu đổi mới quy trình và nâng cao chất lượng của các dự án, dự thảo pháp luật.

- Củng cố, kiện toàn tổ chức pháp chế của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

- Củng cố các bộ phận giúp việc HĐND và UBND trong việc xây dựng văn bản pháp luật.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác pháp luật.

- Tăng cường hơn nữa việc áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

#### **4.4. Nâng cao chất lượng công tác tổ chức thi hành pháp luật**

##### ***4.4.1. Tăng cường công tác theo dõi thi hành pháp luật***

- Tập trung thực hiện tốt công tác theo dõi thi hành pháp luật, chú trọng việc nghiên cứu, rà soát các quy định của pháp luật hiện hành về xây dựng và thi hành pháp luật nói chung, về vai trò của các cơ quan quản lý và theo dõi thi hành pháp luật nói riêng.

- Tăng cường triển khai công tác theo dõi thi hành pháp luật theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

- Cần xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, tuyển dụng, bổ sung nguồn nhân lực có trình độ pháp luật.

##### ***4.4.2. Phát triển hệ thống thông tin và phổ biến, giáo dục pháp luật, tăng cường năng lực tiếp cận của nhân dân đối với hệ thống pháp luật***

- Xây dựng nguồn nhân lực vững mạnh cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) đáp ứng nhiệm vụ PBGDPL trong tình hình mới.

- Sử dụng có hiệu quả và sáng tạo các hình thức, biện pháp và phương tiện PBGDPL; Nâng cao hiệu quả tổ chức và quản lý trong công tác PBGDPL.

#### ***4.4.3. Phát triển hệ thống đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác pháp luật***

Các cơ sở đào tạo luật hiện tại cần nâng cao chất lượng đào tạo, xác định đúng nhu cầu của xã hội để định hướng mở rộng quy mô đào tạo, tránh đào tạo chỉ để đào tạo mà không đáp ứng các nhu cầu của quá trình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

#### **4.5. Thiết lập cơ chế và thiết chế tài phán đối với các vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp**

Cần phân tích và xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hình thành cơ chế bảo hiến ở Việt Nam.

#### **4.6. Hoàn thiện quy định và thực hiện pháp luật về dân chủ**

Nhà nước pháp quyền luôn gắn liền với dân chủ. Nhà nước pháp quyền phải thượng tôn pháp luật, pháp luật phải bảo đảm được công lý và lẽ phải. Trong nhà nước pháp quyền cần quán triệt nguyên tắc người dân có quyền làm tất cả những gì pháp luật không cấm và sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích pháp luật của mình. Cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép. Mọi quyết định quản lý của Nhà nước đều phải rõ ràng, minh bạch.

#### **4.7. Hoàn thiện quy định và bảo đảm thực thi pháp luật về quyền con người, nhân đạo hóa vì con người**

- Rà soát hệ thống pháp luật về quyền con người, quyền công

dân. Lĩnh vực quyền con người, quyền công dân liên quan đến toàn bộ hệ thống pháp luật, không chỉ nằm trong các văn bản quy phạm pháp luật ở cấp trung ương, mà còn cả trong các văn bản pháp luật cấp địa phương.

- Cần khẩn trương xây dựng chương trình xây dựng pháp luật nhằm bảo đảm thực thi Hiến pháp. Hiện nay còn có một số quyền đã được ghi nhận trong Hiến pháp nhưng vẫn thiếu các quy định pháp luật để bảo đảm thực thi, chẳng hạn như quyền biểu tình, lập hội, trưng cầu ý dân...

- Nâng cao khả năng tiếp cận quyền của người dân. Đây là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc phổ biến, tuyên truyền các nội dung mới của Hiến pháp liên quan đến các quy định mới về quyền con người, quyền công dân, đến việc hoàn thiện pháp luật và thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy để bảo đảm thực thi pháp luật về quyền con người.

- Nhân đạo hóa pháp luật là xu thế chung của nhân loại. Trong lĩnh vực pháp luật hình sự, cần nghiên cứu bỏ dần hình phạt tử hình, giảm bớt các hành vi bị coi là tội phạm, xóa bỏ việc hình sự hóa các quan hệ kinh tế, dân sự, đẩy mạnh việc bảo vệ quyền công dân...; giảm bớt các thủ tục, nhất là thủ tục hành chính; tạo thuận lợi cho các chủ thể tự do sản xuất kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật. Tiếp tục hoàn thiện pháp luật theo hướng phù hợp với đạo đức và văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam.



## KẾT LUẬN

Như vậy, thông qua những nhận thức về pháp luật trong nhà nước pháp quyền, có thể nhận thấy những điểm cốt yếu phải giải quyết trên thực tế khi xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam đó là: Nâng cao chất lượng của hệ thống pháp luật; giải quyết mối quan hệ giữa nhà nước và pháp luật, quan hệ giữa nhà nước với nhân dân; có các cơ chế bảo đảm pháp lý, các tiền đề, điều kiện cho xây dựng nhà nước pháp quyền... Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam phải bảo đảm định hướng XHCN. Nhà nước phải thực sự mang bản chất của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Nhà nước pháp quyền có đặc tính quan trọng là tính tối cao của luật. Pháp luật trong nhà nước pháp quyền là pháp luật chứa đựng tính nhân văn, nhân đạo, pháp luật vì con người, pháp luật phải thể hiện được ý chí cộng đồng dân tộc, không phải ý chí của một nhóm người, một cá nhân. Nói cách khác, pháp luật trong nhà nước pháp quyền phải mang “tính pháp quyền”. Đó là hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu đòi hỏi điều chỉnh pháp luật đối với những quan hệ xã hội đang có và sẽ có, không để có khoảng trống pháp luật nào; thể hiện ở hệ thống pháp luật có hiệu lực và hiệu quả, hệ thống pháp luật tạo ra sự tâm phục, khẩu phục từ phía các chủ thể tham gia các quan hệ xã hội được điều chỉnh bằng pháp luật. Tuy nhiên không thể có quy phạm pháp luật, văn bản pháp luật hay hệ thống pháp luật nào đều đáp ứng mong đợi như nhau từ phía tất cả các chủ thể quan hệ xã hội mà pháp luật điều chỉnh vì có sự xung đột lợi ích giữa các chủ

thể. Vì vậy, tiêu chí chung của hệ thống pháp luật trong nhà nước pháp quyền là phải đáp ứng nhu cầu mẫu số chung về lợi ích, là lẽ phải, là sự công bằng và công lý. Đây cũng là yêu cầu của hệ thống pháp luật trong Nhà nước pháp quyền Việt Nam.